TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/4/2019
V/v tranh chấp *" Ly hôn và con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Văn Thập.

2.Ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn và con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu A, sinh năm: 1983. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1983. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, phường Ngô M, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2018 và bản tự khai ngày 21 tháng 01 năm 2019 nguyên đơn chị Trần Thị Thu Anh trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh K, sau đó sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng trầm trọng nhất là từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên say xỉn, đánh đập chị, đi làm về không đưa tiền để chị lo cho các con không lo làm ăn, mê chơi số đề, vì vậy cuộc sống gia đình luôn gặp khó khăn về kinh tế, chị đã cố gắng nhiều năm nhưng không tìm được tiếng nói chung, nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ MinhT.

-Về con chung: Có 02 con Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 22/02/2011 và Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 13/12/2013. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Minh T, Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Tiến vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Minh T, trú tại thôn T, phường Ngô M,thành phố K, tỉnh K nên chị Trần Thị Thu A khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố K là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn anh Đỗ Minh T đã được Tòa án thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu A và anh Đỗ Minh T đăng ký kết ngày 01/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh K, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Sau khi kết hôn, theo lời khai của chị Trần Thị Thu A thì vợ chồng chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do“ *anh T thường xuyên say xỉn, đánh đập chị, đi làm về không đưa tiền để chị lo cho các con, mê chơi số đề*”

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trần Thị Thu A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh các nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn như chị đã trình bày.Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án thể hiện tháng 5/2017 chị nộp khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Minh T, quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải nên chị rút đơn về đoàn tụ, gia đình hai bên và người thân, bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tại bản tự khai ngày 25/01/2019 con gái Đỗ Thị Tuyết N khai rằng “ *nếu cha mẹ ly hôn thì con ở với mẹ, không ở với cha vì cha thường xuyên xay xỉn*”. Cũng từ tháng 01/2019 (trước tết nguyên đán) đến nay, chị Trần Thị Thu A và anh Đỗ Minh T không còn chung sống với nhau, chị A và các con đã chuyển về Bình Thuận sinh sống, còn anh T mặc dù biết Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa anh và chị Trần Thị Thu A nhưng không đến làm việc theo thông báo của Tòa án, điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Thu A và anh Đỗ MinhT đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Thu A, xử cho chị Trần Thị Thu A được ly hôn với anh Đỗ Minh T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Thu A có nguyện vọng nuôi hai con. Anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc nuôi con. Con chung Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 22/02/2011 có nguyện vọng ở với mẹ , con Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 13/12/2013 còn nhỏ. Hiện tại chị Trần Thị Thu A có thu nhập ổn định từ buôn bán hàng ăn, có sức khỏe và nơi ở ổn định nên yêu cầu của chị A được chấp nhận. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai con cho chị Trần Thị Thu A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thu A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Thu A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn và nuôi con chung*" của chị Trần Thị Thu A đề ngày 26/12/2018.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu A ly hôn với anh Đỗ Minh T.

2. Về con chung: Giao hai con chung Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 22/02/2011 và Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 13/12/2013 cho chị Trần Thị Thu A trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miến, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Anh đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0000027, ngày 26/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh K.

4. Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- UBND xã Vinh Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

MAI THỊ THU

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- UBND xã Vinh Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.